TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166 /2017/DS-PT
Ngày: 09-8-2017
V/v tranh chấp dân sự chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Đào.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 08 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2017/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2017, về việc "Tranh chấp dân sự chia thừa kế quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2017/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 142/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 06 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Tống Kim H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số nhà C499, tổ 77, đường CMT8, khóm M, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Mỹ N, sinh năm 1955; (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 7 năm 2017).

Địa chỉ: Số nhà 42, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn M1 - Luật sư Văn phòng luật sư C1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà C869, tổ 77, đường CMT8, khóm M, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 (bị bệnh tâm thần);

Người đại diện theo pháp luật của bà D: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1986.

2. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1986;

3. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1990;

4. Nguyễn Thị Thùy T3, sinh năm 1991;

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị Thùy T3 là chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1986 (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 7 năm 2017)

Cùng địa chỉ: Số nhà C869, tổ 77, đường CMT8, khóm M, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Hồ Như T4, sinh năm 1993;

6. Hồ Mộng K, sinh năm 1995;

7. Hồ Thanh H1, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: Số nhà C499, tổ 77, đường CMT8, khóm M, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ủy ban nhân dân thành phố C;

Người đại diện: Ông Phan Văn T5- Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 03, đường 30/4, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Bà Tống Kim H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Tống Kim H ủy quyền cho bà Bùi Mỹ N trình bày:*

Ông Tống Ngọc G (chết năm 1985) và bà Nguyễn Thị T6 (chết năm 2006) là vợ chồng; ông G và bà T6 có 03 người con (con đẻ và con nuôi) gồm:

1/ Nguyễn Thị D, sinh năm 1958. Bà D là con riêng của bà T6, bị bệnh tâm thần, đang sống chung với con gái tên Nguyễn Thị T1.

2/ Tống Ngọc K1 (con nuôi), đã chết trước năm 1968, không có người thừa kế thế vị.

3/ Tống Kim H (con nuôi), có khai sinh và chung hộ khẩu với bà T6.

Trong quá trình sống chung, ông G và bà T6 có chung khối tài sản gồm:

*** Về đất:**

Thửa 186, tờ bản đồ số 4, diện tích 544m^2, loại đất thổ;

Thửa 660, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.250m^2, loại đất LN;

Thửa 1170, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.100m^2, loại đất lúa.

Tất cả diện tích đất đều do bà T6 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 17/12/1991. Đến ngày 01/7/2003, bà T6 đi kê khai đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND thành phố C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T6 tổng diện tích là 3.828,8 m^2, đất gồm các thửa:

Thửa 186, tờ bản đồ số 4, diện tích 544m^2 loại đất thổ cấp lại thành thửa 409, tờ bản đồ số 15, diện tích 550,7m^2, loại đất thổ;

Thửa 660, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.250m^2, loại đất LN cấp lại thành thửa 259, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.580,7m^2, loại đất lúa;

Thửa 1170, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.100m^2, loại đất lúa cấp lại thành thửa 260, tờ bản đồ số 16, diện tích 697,4m^2, loại đất lúa;

Tất cả các thửa đất trên đều tọa lạc tại tổ 35, khóm M, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi bà T6 chết (năm 2006), ông Nguyễn Văn T lấy tờ di chúc không còn giá trị do bà T6 lập năm 1997 để đi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007.

*** Về nhà:**

Gồm 01 căn nhà diện tích 40m^2, ngang 4m dài l0m, kết cấu khung gỗ tạp, vách ván tạp, nền gạch tàu, mái tole. Căn nhà hiện do chị Nguyễn Thị T1 quản lý sử dụng để chăm sóc cho bà D.

Do năm 2006, bà T6 chết không có để lại di chúc nên nay bà H yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại toàn bộ tài sản của bà T6 để lại, chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của bà T6 là bà Tống Kim H và bà Nguyễn Thị D, cụ thể như sau:

- **Về đất**: Hiện tại thửa 259 và thửa 260 cùng tờ bản đồ số 16 có tổng diện tích 3.278,1 m^2 đã bị giải tỏa và bị thu hồi diện tích 3.108,1 m^2 với số tiền đền bù là 489.423.500 đồng. Bà H yêu cầu được hưởng 50% giá trị bằng

tiền là 244.711.750 đồng, số tiền này hiện do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố C đang quản lý. Số tiền 50% còn lại bà H đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị D quản lý sử dụng. Riêng phần đất còn lại là 170m^2 của thửa 259 và thửa 260 bà H đồng ý để cho bà Nguyễn Thị D sử dụng, bà H không yêu cầu chia.

Đối với thửa 409 tờ bản đồ số 15, diện tích 550,7m^2, loại đất thổ; bà H yêu cầu được hưởng diện tích 198,6m^2, đất nằm trong phạm vi các mốc (2, 3, 4, 5, 6, 13, 12, 11, 10, 2) theo bản đồ đo đạc ngày 15/01/2016. Trên diện tích đất này có một phần chái bếp ngang 2,5m dài 3,36m, bà H yêu cầu chị Nguyễn Thị T1 và các thành viên chung hộ của chị T1 di dời phần chái bếp ra khỏi phần diện tích đất trên. Phần diện tích đất còn lại 241,2m^2 của thửa 409 bà H đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị D quản lý, sử dụng.

Bà Tống Kim H thống nhất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/4/2012 và ngày 15/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố C (có kèm theo Sơ đồ đo đạc của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C).

Đối với đất, nhà và cây trên đất tranh chấp bà Tống Kim H thống nhất giá theo Biên bản định giá ngày 25/5/2012 và Biên bản định giá ngày 25/02/2016 của Tòa án nhân dân thành phố C.

- **Về nhà**: Bà H không yêu cầu chia, đồng ý để chị Nguyễn Thị T1 tiếp tục quản lý sử dụng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị T6 tặng cho ông Nguyễn Văn T theo Tờ di chúc ngày 17/10/1997. Đến ngày 24/6/2006 bà T6 chết, ông T đi kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 24/10/2007 với diện tích 3.828,8m^2 tọa lạc tại tổ 35, khóm 3, phường 3, thành phố C gồm các thửa 409 tờ bản đồ số 15, thửa 259 và 260 cùng tờ bản đồ số 16. Do đó, nay ông T không đồng ý theo yêu cầu của bà H vì diện tích đất tranh chấp là thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông T và ông T đã canh tác diện tích đất trên từ khi bà T6 chết cho đến nay. Ông T xác định quyền sử dụng đất hiện nay đang quản lý không có cầm cố, thế chấp.

Ông Nguyễn Văn T thống nhất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/4/2012 và ngày 15/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố C (có kèm theo Sơ đồ đo đạc của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C).

Đối với đất, nhà và cây trên đất tranh chấp ông Nguyễn Văn T thống nhất giá theo Biên bản định giá ngày 25/5/2012 và Biên bản định giá ngày 25/02/2016 của Tòa án nhân dân thành phố C.

- Chị Nguyễn Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị D, là người được anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị Thùy T3 ủy quyền trình bày: Diện tích đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị T6 để lại cho ông T và ông T đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào ngày 24/10/2007. Do đó, nay chị Nguyễn Thị T1 là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị Thùy T3 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Chị Nguyễn Thị T1 cũng thống nhất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/4/2012 và ngày 15/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố C (có kèm theo Sơ đồ đo đạc của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C).

Đối với đất, nhà và cây trên đất tranh chấp chị Nguyễn Thị T1 thống nhất giá theo Biên bản định giá ngày 25/5/2012 và Biên bản định giá ngày 25/02/2016 của Tòa án nhân dân thành phố C.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Bác yêu cầu bà Tống Kim H về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả lại toàn bộ tài sản của bà Nguyễn Thị T6.

Bác yêu cầu bà Tống Thị Kim H về việc yêu cầu được hưởng số tiền 244.711.750 đồng.

Bác yêu cầu bà Tống Kim H yêu cầu được hưởng diện tích 198,6 m^2, tại thửa 409, tờ bản đồ số 15, trong phạm vi các mốc (2, 3, 4, 5, 6, 13, 12, 11, 10, 2) theo Bản đồ đo đạc ngày 15/01/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C.

Bác yêu cầu bà Tống Kim H yêu cầu hộ chị T1 di dời nhà giao đất cho bà H với diện tích ngang 2,5m dài 3,36m (nhà tọa lạc tại phường 3, thành phố C diện tích nhà được thể hiện theo bản đồ đo đạc ngày 15/01/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C).

Ông Nguyễn Văn T được sử dụng phần diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho ông Nguyễn Văn T vào ngày 24/10/2007 gồm các thửa 409 tờ bản đồ số 15, thửa 259 và 260 cùng tờ bản đồ số 16 (đất tọa lạc tại phường 3, thành phố C diện tích đất được thể hiện theo bản đồ đo đạc ngày 15/01/2016 của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C). Ông T được hưởng số tiền đền bù do thu hồi 01 phần của thửa 259 và thửa 260 cùng tờ bản đố số 16, với số tiền là 489.423.500 đồng (Bốn trăm tám mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng), số tiền trên ông Nguyễn Văn T đến Trung tâm phát

triển quỹ đất thành phố C để được hướng dẫn làm thủ tục để nhận lại số tiền trên.

- Về chi phí đo đạc và định giá là 450.000 đồng bà H phải chịu, bà H đã tạm ứng và đã chi xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Tống Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.201.110 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 035220 ngày 19/10/2015 và biên lai thu số 07890 ngày 12/9/2016 số tiền còn lại bà H phải đóng thêm là 13.883.110 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 14/4/2017, bà Tống Kim H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST, ngày 12/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo;

+ Ý kiến của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà H.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Tống Kim H. Cấp sơ thẩm đã xác định bà H khởi kiện ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp dân sự đòi lại tài sản và chia thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, đối với việc bà H khởi kiện ông T về tranh chấp đòi lại tài sản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết là không phù hợp, vì cá nhân bà H không có quyền khởi kiện đối với yêu cầu này, mà chỉ có quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng

đất. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần xác định lại quan hệ tranh chấp cho phù hợp.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Ủy ban nhân dân thành phố C; Hồ Thanh H1; Hồ Mộng K và Hồ Như T4 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Tống Kim H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất, bà H không yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà và các tài sản khác do cụ T6 để lại. Phần yêu cầu cụ thể của bà H như sau:

+ Đối với thửa 259 và thửa 260 cùng tờ bản đồ số 16 có tổng diện tích 3.278,1m^2 đã bị giải tỏa, thu hồi diện tích 3.108,1 m^2 (diện tích còn lại là 170m^2) được đền bù với số tiền là 489.423.500 đồng. Bà H yêu cầu được hưởng 1/2 số tiền là 244.711.750 đồng (số tiền này hiện do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố C đang quản lý). Đối với, số tiền đền bù còn lại bà H đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị D quản lý, sử dụng. Riêng phần đất còn lại là 170m^2 (của thửa 259 và thửa 260) bà H đồng ý để cho bà Nguyễn Thị D sử dụng, bà H không yêu cầu chia.

+ Đối với thửa 409 tờ bản đồ số 15 có diện tích 550,7m^2, loại đất thổ; bà H yêu cầu được chia diện tích 198,6m^{2}đất nằm trong phạm vi các mốc (2, 3, 4, 5, 6, 13, 12, 11, 10, 2) theo bản đồ đo đạc ngày 15/01/2016. Phần diện tích đất còn lại 241,2 m^2 của thửa 409 bà H đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị D quản lý, sử dụng.

+ Trên diện tích đất tại thửa 409 mà bà H yêu cầu được chia thừa kế có một phần chái bếp ngang 2,5m dài 3,36m, bà H yêu cầu hộ chị Nguyễn Thị T1 di dời phần chái bếp ra khỏi phần diện tích đất trên. Phần diện tích đất còn lại 241,2 m^2 của thửa 409 bà H đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị D quản lý, sử dụng.

[3] Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Tống Kim H là hoàn toàn có căn cứ. Bởi vì,

- Về nguồn gốc đất: Nguyên đơn là bà Tống Kim H và bị đơn là ông Nguyễn Văn T cùng xác định nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Thị T6 (bà T6 là mẹ nuôi của bà H và là bà ngoại của ông T). Năm 1991 cụ T6 đi kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 17/12/1991 với tổng diện tích là 3.894m^2;

- Về quá trình sử dụng: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định, trước đây hộ bà H sống chung với cụ T6 nhưng từ năm 1996 thì gia đình bà H đã dọn ra ở riêng.

Năm 1997, cụ T6 lập tờ di chúc giao toàn bộ phần diện tích đất có được cho ông Nguyễn Văn T được thừa kế và tờ di chúc này được Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố C chứng thực.

Đến ngày 01/7/2003, cụ T6 đi kê khai đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND thành phố C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T6 với tổng diện tích là 3.828,8 m^2 đất gồm các thửa:

- Thửa 186, tờ bản đồ số 4, diện tích 544m^2, loại đất thổ cấp lại thành thửa 409, tờ bản đồ số 15, diện tích 550,7m^2, loại đất thổ cư;

- Thửa 660, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.250m^2, loại đất LN cấp lại thành thửa 259, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.580,7m^2, loại đất lúa;

- Thửa 1170, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.100m^2, loại đất lúa cấp lại thành thửa 260, tờ bản đồ số 16, diện tích 697,4m^2.

Tất cả các thửa đất trên đều tọa lạc tại tổ 35, khóm M, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Năm 2006 cụ T6 chết; năm 2007 ông T đăng ký thừa kế QSDĐ theo di chúc do cụ T6 xác lập và ông T đã được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 24/10/2007.

Việc bà H cho rằng bà là người chung hộ với cụ T6 nên việc cụ T6 lập di chúc tặng cho QSDĐ cho ông T là không phù hợp nên di chúc không hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến trình bày này của bà H là không phù hợp vì việc cụ T6 lập di chúc tặng cho QSDĐ cho ông T vào năm 1997 là thể hiện quyền tự định đoạt của cụ T6; Tờ di chúc của cụ T6 được xác định là hợp pháp về hình thức, lẫn nội dung. Đối với việc năm 2003 khi đăng ký đổi giấy chứng nhận QSDĐ, Ủy ban nhân dân thành phố C cấp đổi giấy QSDĐ mới cho cụ T6 với nội dung cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T6 là chưa phù hợp với ý chí và nguyện vọng của cụ T6, đều này được thể hiện tại Công văn số 1636/UBND-TN ngày 05/11/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố C trả lời về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị T6 thành cấp cho hộ Nguyễn Thị T6 là căn cứ vào Công văn số 1104/STNMT-CCQLĐĐ ngày 05/8/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế QSDĐ của bà Tống Kim H là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với căn nhà cũng là di sản của cụ T6 để lại nhưng bà H không yêu cầu chia thừa kế nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Đối với cây trồng trên đất các đương sự thống nhất không yêu cầu.

Do không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế QSDĐ của bà H nên việc bà H yêu cầu hộ chị T1 di dời nhà trả đất cũng không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà H và quan điểm của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H là không có căn cứ nên không được chấp nhận;

Tuy nhiên, vào ngày 29/6/2017 bà H có đơn xin miễn, giảm tiền tạm ứng án phí, án phí; Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm bà H cũng có yêu cầu xem xét miễn, giảm tiền án phí dân sự; Đơn yêu cầu của bà H được Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố C xác nhận hộ bà Tống Kim H thuộc hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Tống Kim H nên sửa án sơ thẩm về phần án phí dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo về án phí của bà H.

Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà H không phải nộp tiền án phí phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 105, 624, 628 và khoản 1 điều 630 Bộ luật dân sự 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo về án phí của nguyên đơn bà Tống Kim H;

2. Sửa về án phí của bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tống Kim H;

- Ông Nguyễn Văn T được sử dụng phần diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho ông Nguyễn Văn T vào ngày 24/10/2007 gồm các thửa 409 tờ bản đồ số 15, thửa 259 và 260 cùng tờ bản đồ số 16 (đất tọa lạc tại phường 3, thành phố C diện tích đất được thể hiện theo bản đồ đo đạc ngày 15/01/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C). Ông T được hưởng số tiền đền bù do thu hồi 01 phần của thửa 259 và thửa 260 cùng tờ bản đồ số 16, với số tiền là 489.423.500 đồng (Bốn trăm tám mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng), số tiền trên ông Nguyễn Văn T đến Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố C để được hướng dẫn làm thủ tục để nhận lại số tiền trên.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tống Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.201.000 đồng (làm tròn số của 20.201.110đồng), nhưng tại phiên

tòa phúc thẩm bà Hiền được chấp nhận giảm 50% tiền án phí DSST nên số tiền án phí DSST bà Hiền phải nộp là 10.100.500đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 035220 ngày 19/10/2015 và biên lai thu số 07890 ngày 12/9/2016. Như vậy số tiền án phí DSST còn lại bà H phải đóng thêm là 3.782.500 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tống Kim H được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 13326 ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí đo đạc và định giá là 450.000 đồng bà H phải chịu, bà H đã tạm ứng và đã chi xong.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP C;
- Chi cục THADS TP C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Võ Trinh